

Bản án số : 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/12/2020

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa :
Chị Bùi Thị N và anh Lê Minh T”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ - TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Á Khanh, cán bộ hưu trí huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội;

2. Ông Đặng Viết Côi, cán bộ hưu trí huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên Tòa :
Ông Trịnh Minh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXX – ST ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Chị Bùi Thị N, sinh năm 1987

2. Bị đơn; Anh Lê Minh T, sinh năm 1986

Hiện anh T đang cải tạo tại : Buồng 2.7, phân trại 2, Trại giam Nam Hà

Đều HKTT: Thôn H, xã P, huyện U, Thành phố Hà Nội

(Chị N có mặt; anh T đang cải tạo có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai - Nguyên đơn Chị Bùi Thị N trình bày : Chị kết hôn với anh Lê Minh T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội vào năm 2007. Vợ chồng chung sống được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hơn nữa do anh T chơi bời, nghiện chất ma túy, không quan tâm đến vợ con, vì thế vợ chồng thường xuyên va chạm, xích mích. Năm 2012 anh T đã bị Tòa án huyện Thanh Oai xử phạt 24 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” , sau khi chấp hành án xong, đến năm 2017 anh T lại bị Tòa án huyện Ứng Hòa xử 48 tháng tù về tội “ Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” . Hiện nay, anh Tuấn đang cải tạo tại buồng 2.7, phân trại 2, Trại giam Nam Hà. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, kể cả sau khi anh Tuấn chấp hành xong hình phạt trở về chị không thể chung sống được, vì vậy chị xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2007; cháu Lê Minh H, sinh ngày 29/8/2011. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả 2 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Các cháu xin được ở với chị N.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác nhận là không có gì, không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai - Bị đơn anh Lê Minh T trình bày :
Anh tự nguyện kết hôn cùng chị Bùi Thị N có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phương Tú năm 2007, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, năm 2012 do chơi bời anh bị Tòa án huyện Thanh Oai xử phạt 24 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” , đến năm 2017 anh lại bị Tòa án huyện Ứng Hòa xử 48 tháng tù về tội “ Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Hiện nay, anh đang bị cải tạo tại buồng 2.7, phân trại 2, Trại giam Nam Hà. Trong thời gian cải tạo thỉnh thoảng chị Năm có vào thăm nuôi anh, anh xác định chị N vào thăm cũng chỉ vì các con, vì anh và chị N không còn tình cảm gì. Khi vào thăm anh nhiều lần chị N đã đặt vấn đề ly hôn với anh, anh nghĩ không thể nứu kéo thêm được nữa, anh cũng nhất trí ly hôn. Do anh đang chấp hành án trong trại giam, anh xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2007; cháu Lê Minh H, sinh ngày 29/8/2011. Khi ly hôn vì anh đang chấp hành án nên anh đồng ý để chị N con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác nhận là không có gì, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa :

- Anh Lê Minh T vắng mặt do đang chấp hành án;
- Chị Bùi Thị N vẫn tha thiết xin được ly hôn và xin được nuôi con;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa kết luận:

+ Về tố tụng : Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật. Người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung : Vợ chồng chị Bùi Thị N và anh Lê Minh T trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không có hạnh phúc. Vợ chồng không có tình cảm, anh T đang cải tạo tại trại giam. Chị N xin ly hôn anh Tuấn cũng đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử : chị Bùi Thị N được ly hôn anh Lê Minh T; về con chung : Giao chị Bùi Thị N nuôi cả 02 con chung; về tài sản, công nợ chung các bên đều trình bày là không có nên không giải quyết; chị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền và tố tụng :** Nguyên đơn chị Bùi Thị N đã nộp đơn cùng các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình – Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Quá trình thu thập chứng cứ hiện anh Lê Minh T đang cải tạo tại trại giam Nam Hà thuộc xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. Theo đề nghị của chị Năm, Tòa án đã đến trại giam nơi anh T cải tạo các thủ tục tố tụng đối với anh Tuấn theo quy định của pháp luật, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa hôm nay tòa án vẫn xét xử cụ án theo qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung :

2.1 **Về quan hệ hôn nhân :** Chị Bùi Thị N và anh Lê Minh T kết hôn do tự nguyện, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội vào năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Do nhiều nguyên nhân khác nhau nên cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận, không còn tình cảm với nhau. Chị N xin ly hôn anh T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là không đạt được nên xử cho chị N được ly hôn với anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2 **Về con chung :** Vợ chồng chị N, anh T sinh được 02 con chung là cháu Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2007; cháu Lê Minh H, sinh ngày 29/8/2011. Khi ly

hôn chị N xin được nuôi các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hai cháu Minh H, Minh H đều có nguyện vọng xin được ở với Mẹ. Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị Năm là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác, anh Tuấn đang cải tạo tại trại giam nên không thể nuôi con được, do đó giao các con chung của chị N anh T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có đề nghị thay đổi mới. Anh T có quyền thăm con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở là phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

2.3 Về tài sản, công nợ chung: Chị N, anh T đều trình bày là không có gì nên Tòa không giải quyết.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo : Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, kiểm sát viên tham gia phiên Tòa đã nhận xét về thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích, đánh giá mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh T và đề nghị Tòa xét xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Lê Minh T. Giao chị N nuôi 02 con chung. Tài sản, công nợ chung các đương sự đều trình bày là không có gì nên không giải quyết, về án phí chị Năm phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ : Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271; 273; 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
Tuyên xử : Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Lê Minh T.

2. Về con chung : Giao hai con chung là cháu Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2007; cháu Lê Minh H, sinh ngày 29/8/2011 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có đề nghị mới. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T không đặt ra cho đến khi có đề nghị khác. Anh T có quyền thăm con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí : Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009911 ngày 17/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn, bị đơn, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với chị N, kể từ ngày Bản án được giao hợp lệ đối với anh T./.

Nơi nhận :

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Ứng Hoà;
- Các đương sự; Trại giam Nam Hà;
- Lưu : Hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Trung